VĂN PHÒNG UBND TỈNH KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Số: 996 /TTPVHCC-HDTNTKQ

V/v công khai danh mục TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính theo Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của UBND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Kính gửi:
- Sở Tài chính;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Căn cứ Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa.

Kính đề nghị Sở Tài chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường thực hiện đăng tải công khai danh mục thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử (nếu có) và và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan để tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện thủ tục hành chính theo quy định./.

(Đính kèm Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của UBND tỉnh và Phụ lục danh mục thủ tục hành chính gắn kèm mã QR)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng.UBND tỉnh (b/c);
- TTPVHCC: LĐ, các phòng;
- Lưu: VT, HDTNTKQ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Nguyễn Hữu Danh

PHỤ LỤC DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GẮN KÈM MÃ QR THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2976/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 CỦA UBND TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Văn bản số996/TTPVHCC-HDTNTKQ ngày 24 /8 /2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa)

STT	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Mã QR
1	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.	
2	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.	
3	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	
4	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	
5	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	
6	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

7	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	
8	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực	
9	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
10	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực	
11	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
12	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
13	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

14	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
15	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	
16	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
17	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
18	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
19	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	